TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 893/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 8 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số A17/25GA Quốc lộ 50, ấp 1, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 169/7 hẻm 169, đường Lê Minh Nhựt, tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 04/01/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông H không có hạnh phúc do

bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn. Trước đây bà có nộp đơn đến Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông H vắng mặt, bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 6 đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 29/ĐC ngày 01 tháng 8 năm 2000. Bà và ông H đã ly thân hơn 18 năm. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 17/5/1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà T trình bày không có.

* Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông và bà Đặng Thị Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đến năm 2015 có gặp lại nhau và cùng nhau làm ăn sinh sống. Ông còn thương vợ con và vì con còn nhỏ nên ông có nguyện vọng được hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 17/5/1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình sinh sống có phát sinh một số nợ. Nay ông yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả phụ ông số nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 04/01/2019, bà Đặng Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H hiện đang cư trú tại: Số 169/7 hẻm 169, đường Lê Minh Nhựt, tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại thời điểm mở phiên tòa, các đương sự có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/1999. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, hai bên xác định cuộc sống hôn nhân hạnh phúc không bao lâu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2000 cho đến nay. Nguyên nhân do do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn. Trước đây bà T có nộp đơn đến Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông H vắng mặt, bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 6 đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 29/ĐC ngày 01 tháng 8 năm 2000. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã vận động hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và ông H cũng đã đồng ý. Đây là sự tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 17/5/1999. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung:

Tại phiên tòa, hai bên cùng xác định không có tài sản chung.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Tại phiên tòa, bà T trình bày là không có nợ chung, nhưng ông Nguyễn Hoàng H có yêu cầu bà T phải có trách nhiệm cùng với ông để trả số nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 24/4/2019, ông Nguyễn Hoàng H đã có yêu cầu bà T phải có trách nhiệm cùng với ông để trả số nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Tòa án đã giải thích cho ông H nếu có yêu cầu chia nợ chung thì ông phải làm đơn yêu cầu và cung cấp thông tin cụ thể của người cho vay để nộp cho Tòa án trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày 24/4/2019. Tuy nhiên, cho đến nay ông H không có đơn yêu cầu, cũng như không cung cấp thông tin của người cho vay, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu chia nợ chung của ông H. Do đó, nếu ông H có tranh chấp về nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Đặng Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

Kể từ ngày 16/7/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số số 09, quyển số 01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/1999 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 17/5/1999. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung:

Bà T và ông H cùng xác định không có tài sản chung.

Bà T trình bày không có nghĩa vụ dân sự chung. Ông H trình bày trình bày có nghĩa vụ dân sự chung là số nợ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Nếu ông H có tranh chấp về nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đặng Thị Ngọc T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008104 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo